

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HS-PT

Ngày: 04-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt
Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2023/HS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1999, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: 54/3, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có vợ tên Hồ Thị Ngọc T1, sinh năm 2001, có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 16/4/2020, bị Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác theo Quyết định số 48/QĐ-XPHC (đã nộp phạt xong).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng D: Luật sư Ngô Đình N và Luật sư Nguyễn Thị Lệ k thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; (Có mặt).

2. Châu Chí T, sinh năm 2001, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số A, ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo:

Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Châu Văn V và bà Phạm Thị K; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 2002, có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 01/02/2022, bị Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 82/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Thái Quốc Q, sinh ngày 21/02/2003, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số F. ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Thái Văn L và bà Trần Thị V1; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 24/3/2020, bị Công an huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.250.000 đồng về hành vi đưa xe trái phép theo Quyết định số 825/QĐ-XPHC (chưa nộp phạt).

+ Ngày 07/11/2020, bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ không có giấy phép theo Quyết định số 54/QĐ-XPHC (đã nộp phạt xong).

Bị cáo bị Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Thái Quốc Q: Luật sư Phạm Hoàng S1 – Luật sư Văn phòng L3 và Cộng sự; (Có mặt).

4. Nguyễn Văn Tấn S2, sinh ngày 06/5/2003, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: thợ hớt tóc; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn T2 và bà Đặng Thị Kim A; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 24/3/2020, bị Công an huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.250.000 đồng về hành vi đưa xe trái phép theo Quyết định số 828/QĐ-XPHC (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Anh Phạm Hoàng N1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số H đường C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Bùi Văn K1, Lê Văn N2, Nguyễn Thành A1, Phạm Chí C nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tết Nguyên Đán năm 2019, Phạm Hoàng N1 và một số người bạn đi uống nước ở quán (không nhớ rõ quán nào). Tại đây Lê Văn N2 cùng một số người bạn của N2 cũng đang uống nước và có mở loa nghe nhạc lớn tiếng. N1 đề nghị mở âm thanh nhỏ lại. Nên giữa N1 và N2 có cự cãi qua lại về việc yêu cầu mở nhạc vừa phải. Sau đó, được can ngăn nên hai nhóm ra về, giữa N1 và N2 tiếp tục nhắn tin cãi vã qua lại trên Facebook và hẹn ngày 12/3/2019 gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn tại khu vực gần tiệm S3 ở ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trước ngày 12/3/2019, N2 nhắn tin, gọi điện cho Nguyễn Hoàng D là bạn ở thành phố Hồ Chí Minh đề nhờ giúp đánh nhau với nhóm của Phạm Hoàng N1, lúc này tại phòng của D còn có: Phạm Chí C, Nguyễn Thành A1, Thái Quốc Q biết được nội dung N2 nhờ D nên cả bốn bị cáo C, D, A1, Q đều đồng ý. Khoảng 19 giờ, ngày 12/3/2019, D chở C, A1 chở Q bằng hai xe mô tô hai bánh về đến điểm hẹn là quán H3 ở ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre để gặp N2. Trong lúc đợi C, D, A1, Q thì N2 gặp Châu Chí T cũng đang ngồi uống nước tại đây. Do là bạn bè nên N2 có nói việc chuẩn bị đánh nhau với nhóm của N1 và rủ T cùng tham gia đánh nhau, T đồng ý. Khi nhóm của A1 về đến huyện T, tỉnh Bến Tre thì A1 điện thoại cho Nguyễn Văn T3 Sang là bạn của A1 và rủ S2 đến quán H3 ở xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre uống nước. Lúc S2 ra thì nghe được A1, N2 nói lớn cho cả nhóm nghe sẽ đi đánh nhau với nhóm của N2, S2 đồng ý cùng đi để đánh nhau. A1 còn điện thoại cho người bạn tên T4 ở xã Q nói tí sẽ ghé nhà thăm T4. Nhí mượn xe mô tô của T đi công việc (không xác định được N2 đi đâu, làm gì), sau đó T nhờ S2 chở đến nhà người bạn tên L1 (hiện đã bán nhà và bỏ địa phương đi) để lấy hung khí là dao tự chế rồi quay lại quán H3. Khi N2, A1, D, C, T, Q, S2 tập trung lại quán H3 thì cả nhóm cùng ra xe, Q lấy theo một ống tuýp bằng kim loại hình trụ tròn ở quán H3. N2 điều khiển xe Dream của T chạy trước dẫn đường; S2 chở T bằng xe Sirius của S2; D chở A1 bằng xe Winner của D; C chở Q bằng xe Wave (C mượn xe của bạn). Khi đến cầu T ở ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (gần nhà T4) thì A1, N2 gặp T4 và Bùi Văn K1. A1, N2 nói với T4 chuẩn bị đi đánh nhau với nhóm của N1. Lúc này, T4 đã say không đi, K1 đồng ý cùng nhóm của N2 đi đánh nhau. K1 lấy ống tuýp bằng kim loại từ Q và lên xe để S2 chở T ngồi giữa, K1 ngồi sau cùng (xe chở ba).

Phạm Hoàng N1 rủ Phan Trung T5 cùng đi chung bằng xe đạp điện do T5 chở và Trần Quốc D1 chở Nguyễn Dương Khánh L2 bằng xe mô tô hai bánh đi trước đến điểm hẹn để thăm dò tình hình, nhưng thấy nhóm của N2 đông người nên D1 điều khiển xe chở L2 bỏ chạy.

Cả nhóm của N2 lưu thông trên Quốc lộ E hướng về Ủy ban nhân dân xã Q đến đoạn ở ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre, N2 điều khiển xe chạy trước và phát hiện xe đạp điện do Phan Trung T5 điều khiển chở Phạm Hoàng N1 lưu thông hướng ngược lại. Nhí la lớn “nó kia” cho cả nhóm biết, quay xe lại và đuổi theo T5 và N1. Khi xe đạp điện của T5 và N1 chạy vào lộ đan 7 Lộ ở ấp Q,

xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre thì xe do D chở A1 chạy vượt lên để chặn đầu xe đạp điện và bị vướng vào hàng rào B40 của nhà dân nên bị ngã. Lúc này, nhóm của N2 cũng chạy đến, K1 bước xuống xe và hỏi N2 “nó đâu” thì N2 trả lời “nó đó” và chỉ tay về N1. K1 cầm ống tuýp tiến đến đứng đối diện N1, dùng hai tay cầm ống tuýp đưa lên đánh theo phương ngang từ phải sang trái 01 cái trúng vùng hong (sườn trái) của N1, sau khi bị đánh trúng N1 khom người tay ôm bụng quay lưng lại, K1 tiếp tục đánh 01 cái trúng vào lưng của N1. Nguyễn Văn Tấn S sau khi chở Châu Chí T và Bùi Văn K1 đến lộ đèo 7 Lộ, K1 và T xuống xe, S nhìn thấy K1 dùng ống tuýp kim loại đánh N1 hai cái thì S dẫn xe quay ra đầu lộ đèo đứng, mục đích để cảnh giới, canh đường. Tiếp đó, N2 tháo nón bảo hiểm đang đội, đánh trúng lưng và tay của N1 từ ba đến bốn cái. Q dùng tay đánh trúng lưng gần cổ của N1 một cái. A1 dùng tay phải nắm cổ áo của N1 xuống dùng tay trái đánh móc từ dưới lên trúng mặt của N1 từ hai đến ba cái. Sau đó, N1 nằm sấp xuống lộ đèo.

Đối với T5, trong lúc T5 phụ D dựng xe thì bị C xông vào dùng tay đánh trúng ngực, lưng T5 từ ba đến bốn cái. Tiếp đó, N2 nói C tránh ra để N2 dùng tay đánh T5 từ ba đến bốn cái. Q dùng nón bảo hiểm đánh T5 một cái trúng đầu, một cái trúng lưng. A1 dùng tay đánh trúng mặt T5 từ hai đến ba cái. Sau đó, T5 bỏ chạy hướng ra Quốc lộ E thì T dùng chân đạp trúng T5 một cái trúng phần cẳng chân, T5 bỏ chạy khỏi hiện trường. Người dân gần đó truy hô nên cả nhóm lên xe rời khỏi hiện trường. C, D, A1, Q đi thành phố Hồ Chí Minh ngay trong đêm.

Đoạn tuýp bằng kim loại do K1 sử dụng; dao tự chế do T mang theo, các bị cáo đã vứt bỏ không xác định được địa điểm. Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Bị hại Phạm Hoàng N1 được đưa đi cấp cứu ở Trung tâm y tế huyện T, sau đó chuyển đến Bệnh viện N3. Đến ngày 14/3/2019, Phan Trung T5 đến Công an xã Q trình báo sự việc. Ngày 28/3/2019, Phạm Hoàng n có đơn yêu cầu xử lý hình sự theo quy định pháp luật.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 501/CN-TTYT ngày 28/5/2019 của Trung tâm y tế huyện T (vào viện lúc 20 giờ 55 phút, ngày 12/3/2019, ra viện lúc 23 giờ ngày 12/3/2019) xác định: lý do vào viện khai bị đánh, theo dõi vết lách. Tình trạng thương tích lúc vào viện: Đau vai (T), cánh tay (T) hạn chế vận động. Phù nề vai (T) đường kính khoảng 2x3cm. Phù nề 1/3 giữa cánh tay (T). Đau bụng quanh rốn. Tình trạng chuyển viện: Bệnh tĩnh, sinh hiệu ổn; bệnh nặng chuyển viện.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 155/CN ngày 11/6/2019 của Bệnh viện N3 (vào viện lúc 00 giờ 15 phút ngày 13/3/2019, ra viện lúc 14 giờ 39 phút, ngày 19/3/2019) xác định: điều trị: Phẫu thuật: cắt lách cầm máu. Tình trạng thương tích lúc vào viện: Khó thở, da xanh, niêm nhợt. Vết bầm vùng hạ sườn (T). Ấn đau khắp bụng, có đề kháng. Siêu âm: Dịch ổ bụng lượng nhiều. Phẫu thuật: Mở bụng đường giữa trên rốn vào ổ bụng có nhiều máu loãng, máu cục;

Lách vỡ cực dưới đang chảy máu. Tình trạng thương tích lúc ra viện: vết mổ lành.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 166-619/TgT ngày 21/6/2019 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đau vai trái, cánh tay trái, phù nề vai trái kích thước 02x03cm đã hết, không còn để lại vết tích.

- Đau bụng quanh rốn.

- Bầm máu vùng hạ sườn trái.

- Ấn đau khắp bụng, có đề kháng.

- Da xanh, niêm nhợt.

- Siêu âm: dịch ổ bụng lượng nhiều.

- Chẩn đoán: Shock mất máu, xuất huyết nội do vỡ lách chấn thương.

+ Phẫu thuật: mở bụng đường giữa trên và dưới rốn ổ bụng có nhiều máu loãng, máu cục, lách vỡ cực dưới đang chảy máu.

+ Xử lý: cắt lách cầm máu.

+ Hiện: vết mổ đường giữa trên và dưới rốn đã lành sẹo, kích thước 13x0,2cm.

* Vết thương trên người của Phạm Hoàng N1 do vật tày gây ra.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 41% (bốn mươi một phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 153/22/TgT ngày 19/8/2022 của Viện pháp y Q1- Phân viện tại TP . kết luận: (bút lục 131 đến 135) kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Các vết phù nề vai trái, cánh tay trái, vết bầm vùng hạ sườn trái hiện không còn dấu vết.

- Sẹo kích thước lớn vùng đường trắng trên rốn.

- Sẹo kích thước nhỏ vùng hố chậu trái.

- Đã cắt lách toàn bộ.

2. Kết luận:

- Căn cứ Mục IX.4.1 Chương 5 và Mục I.1, I.3 Chương 9 của Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân

Phạm Hoàng N1 là 36% (ba mươi sáu phần trăm) theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

- Các thương tích trên của nạn nhân Phạm Hoàng N1 do vật tày tác động trực tiếp gây ra.

- Việc Bùi Văn K1 dùng tuýp sắt đánh trúng hông sườn bên trái của N1 có thể gây ra thương tích vỡ lách cho nạn nhân Phạm Hoàng N1.

- Việc Lê Văn N2 dùng nón bảo hiểm đánh trúng lưng và tay của N1 từ 03 đến 04 cái không thể gây thương tích vỡ lách cho nạn nhân Phạm Hoàng N1.

- Việc Thái Quốc Q dùng tay phải đánh 01 cái trúng lưng gần cổ N1 không thể gây thương tích vỡ lách cho nạn nhân Phạm Hoàng N1.

- Việc Nguyễn Thành A1 dùng tay đánh trúng mặt của N1 từ 02 đến 03 cái không thể gây thương tích vỡ lách cho nạn nhân Phạm Hoàng N1.

Quá trình điều tra đã cho bị cáo Thái Quốc Q, Bùi Văn K1 tiến hành nhận dạng đặc điểm hung khí. Kết quả hai bị cáo lần lượt nhận dạng hung khí có đặc điểm phù hợp nhau như sau: đoạn kim loại hình trụ tròn, đường kính 02cm, dài 58cm.

Ngày 09/12/2022, Bùi Văn K1 đã tự nguyện giao nộp đồ vật tương đồng với hung khí mà K1 đã dùng để đánh Phạm Hoàng nghiêm gây thương tích là 01 đoạn tuýp sắt phi 21, dài 58 cm.

Quá trình điều tra các bị cáo Lê Văn N2, Bùi Văn K1, Nguyễn Thành A1, Nguyễn Hoàng D, Phạm Chí C, Châu Chí T, Nguyễn Văn Tấn S2, Thái Quốc Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người làm chứng, bị hại, kết quả thực nghiệm điều tra . Bị hại Phạm Hoàng N1 yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 25.000.000 đồng. Bị cáo Bùi Văn K1 đã bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

[1] Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng D 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù

[2] Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Châu Chí T 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[3] Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

*Xử phạt bị cáo Thái Quốc Q **03 (ba) năm 09 (chín) tháng** tù.*

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù

[4] Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

*Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Tấn Sang 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù.*

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn K1, Lê Văn N2, Nguyễn Thành A1, Phạm Chí C; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/4/2023 bị cáo Nguyễn Hoàng D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 14/4/2023 bị cáo Châu Chí T kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 13/4/2023 bị cáo Thái Quốc Q kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Ngày 06/4/2023 bị cáo Nguyễn Văn Tấn S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Thái Quốc Q và bị cáo Nguyễn Văn Tấn S giữ nguyên kháng cáo;

Bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Châu Chí T bổ sung kháng cáo xin hưởng án treo.

Bị hại Phạm Hoàng N1 trình bày: Bị hại đã nhận đủ số tiền yêu cầu các bị cáo bồi thường là 25.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S; cho các bị cáo hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S phạm tội “Cố ý gây thương tích”

1. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng D từ 03 năm đến 04 năm, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Châu Chí T từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Thái Quốc Q từ 02 năm đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 Sang từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng D trình bày ý kiến:

Thông nhất với bản án sơ thẩm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm xác định bị cáo Nguyễn Hoàng Duy p”Tội cố ý gây thương tích” với vai trò giúp sức cho các bị cáo khác. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tính chất, mức độ của bị cáo D trong mối quan hệ với các bị cáo khác theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 và chưa áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, có lợi cho bị cáo, do đó khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm chưa phân hóa rõ đồng phạm dẫn đến chưa đưa ra mức hình phạt phù hợp cho bị cáo D. Về tình tiết giảm nhẹ: Cấp sơ thẩm không chấp nhận tình tiết giảm nhẹ theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, cụ thể là tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo D là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, bị cáo D sau khi đề nghị với bị cáo K1 về việc dùng tiền để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, nhưng cả bị cáo K1 và bị hại N1 đều từ chối nhận. Sau đó, bị cáo D đã giao số tiền đó cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú quản lý (có biên lai thu số 0001740 (Bút lục 1415) để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Như vậy, bị cáo D cũng được áp dụng tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Mặt khác, sau khi xét xử, bị cáo D đã liên hệ hỏi thăm sức khỏe bị hại N1 và lần này bị hại N1 đồng ý nhận tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của bị cáo D với số tiền là 5.000.000 đồng (có biên bản nhận tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần của bị hại Nghiêm viết ngày 17/4/2023 (Bút lục 1646).

Ngoài ra, bị cáo D còn có những tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, cụ thể như sau: Bị hại N1 có đơn

xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D, đơn viết ngày 17/4/2023 (Bút lục 1646 – 1645); bị hại N1 cũng có lỗi (vì N1 và N2 có nhắn tin cự cãi qua Facebook, hện đánh nhau vào tối ngày 12/3/2019; bị hại N1 có rủ thêm T5, D1, L2 là bạn của N1 để cùng đi đánh nhau; bị cáo D là cháu của bà mẹ Việt Nam Anh hùng Lê Thị H2; bị cáo D có nhiều đóng góp cho xã hội và tích cực trong việc phát triển kinh tế xã hội; trước thời điểm phạm tội, bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, đang sống chung với gia đình gồm cha mẹ ruột, vợ và các con bị cáo tại địa chỉ thường trú và có việc làm ổn định (Bút lục 1635). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tại các điểm b,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 và Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt; áp dụng Án lệ số 17/2018 (không tính về tính chất côn đồ trong vụ án này đối với bị cáo D). Tuyên phạt bị cáo D dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, đồng thời cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách bằng 02 lần mức phạt tù và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T giám sát, giáo dục bị cáo D trong thời gian thử thách.

Người bào chữa cho bị cáo Thái Quốc Q trình bày ý kiến: Bị cáo Q có nộp 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả (Cơ quan Thi hành án huyện T đang giữ số tiền này), bị hại đồng ý bị cáo Q là đồng phạm trong vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn; bị cáo Q chỉ dùng tay đánh lưng bị hại N1, vai trò không đáng kể. Thời điểm phạm tội, bị cáo Q chỉ mới 16 tuổi 19 ngày là người chưa thành niên, thiếu hiểu biết, dễ bị rủ rê lôi kéo vào những việc có hành vi vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo Q hưởng án treo.

Các bị cáo D, T, Q, S có cùng lời nói sau cùng: Các bị cáo xin lỗi bị hại Phạm Hoàng N1 vì đã có hành vi gây thương tích cho bị hại, các bị cáo rất ăn năn hối hận; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, kính mong Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Khoảng 19 giờ, ngày 12/3/2019, tại khu vực gần tiệm S3 ở ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre, Lê Văn N2 hẹn gặp Phạm Hoàng n để đánh nhau. Ngoài bị cáo Lê Văn N2 còn có Nguyễn Thành A1, Nguyễn Hoàng D, Phạm Chí C, Thái Quốc Q, Châu Chí T, Nguyễn Văn Tấn S, Bùi Văn K1 giúp cùng đi đánh nhau. Thái Quốc Q tự đem theo 01 ống tuýp sắt, Châu Chí T tự đem theo 01 con dao tự chế. Các bị cáo cùng đi đến khu vực gần tiệm S3 ở ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre. Khi đến lộ đản 7 Lộ ở ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre gặp Phan Trung T5 điều khiển xe đạp điện chở Phạm Hoàng N1 đi ngược lại. Nhí ra hiệu cho cả nhóm quay lại đuổi theo. D điều khiển xe mô tô đuổi kịp, chặn đầu xe của T5 để cho K1 dùng ống tuýp tròn bằng kim loại đánh vào hông (sườn) của N1. Sau đó, N2, Q dùng nón bảo hiểm vào đánh N1, A1 đánh N1 nhiều cái bằng tay. Trong lúc T5 phụ D dựng xe thì bị C xông vào đánh bằng tay nhiều cái. Tiếp đó, N2 dùng tay đánh T5 nhiều cái. Q dùng nón bảo hiểm đánh T5 nhiều cái. A1 dùng tay đánh trúng mặt T5 nhiều cái. Sau đó, T5 bỏ chạy hướng ra Quốc lộ E thì T dùng chân đạp T5 một cái trúng phần cẳng chân, T5 bỏ chạy khỏi hiện trường. Nguyễn Hoàng D sau khi chạy xe vượt lên chặn xe đạp điện thì xe do D điều khiển bị ngã vướng vào hàng rào của nhà dân. D lo dựng xe nên chưa kịp vào đánh nhau. Nguyễn Văn Tấn S sau khi chở Châu Chí T, Bùi Văn K1 đến địa điểm đánh nhau thì lùi xe ra Quốc lộ E để cảnh giới cho các bị cáo khác đánh nhau. Hậu quả, bị hại Phạm Hoàng n bị thương tích với tỷ lệ 36%. Phan Trung T5 bị thương tích xây xát ngoài da, T5 không điều trị tại bệnh viện và từ chối giám định thương tích. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, các bị cáo dùng đoạn tuýp sắt phi 21dài 58cm là hung khí nguy hiểm tác động lên cơ thể người khác là anh Phạm Hoàng N1, gây ra thương tích cho anh N1 với tỉ lệ tổn thương là 36%. Giữa các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn vô cơ bị cáo Bùi Văn K1 dùng ống tuýp sắt đánh bị hại N1, còn Thái Quốc Q dùng tay đánh N1; còn lại các bị cáo Nguyễn Hoàng D là người trực tiếp chặn đầu xe của bị hại, Châu Chí thanh, Nguyễn Văn t sang không trực tiếp tác động vào người của bị hại nghiêm, chỉ làm nhiệm vụ cảnh giới nhưng tất cả các bị cáo có cùng mục đích là gây thương tích cho bị hại Phạm Hoàng N1, cho nên các bị cáo giữ vai trò đồng phạm giúp sức và Thái Quốc Q tham gia tích cực hơn các bị cáo D, T, S. Trong quá trình điều tra, Bùi Văn K1 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại N1 số tiền là 25.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại N1 và yêu cầu các bị cáo trong vụ án mỗi người phải trả lại cho bị cáo K1 3.000.000 đồng (07 bị cáo) vì đây là vụ án có đồng phạm nên liên đới trách nhiệm bồi thường là đúng quy định của pháp luật nên Nguyễn Hoàng D, Thái Quốc Q và Nguyễn Văn T3 Sangmỗi

bị cáo đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú số tiền 3.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm thì bị cáo Bùi Văn K1 không yêu cầu các bị cáo phải nộp số tiền trên cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên trả lại số tiền mà 03 bị cáo đã nộp và không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngày 17/4/2023, bị cáo Nguyễn Hoàng D tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại Phạm Hoàng N1 số tiền 5.000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo là lao động chính, nuôi con nhỏ và hiện vợ đang mang thai; bị cáo D là cháu của bà mẹ Việt Nam Anh hùng Lê Thị H2; bị cáo D có nhiều đóng góp cho xã hội và tích cực tham gia trong việc phát triển kinh tế, an sinh xã hội của địa phương; bị cáo Châu Chí T bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; bị cáo Thái Quốc Q và bị cáo Nguyễn Văn Tấn S khi phạm tội còn là vị thành niên (Nguyễn Văn T3 Sang khi phạm tội chưa tròn 16 tuổi, bị cáo Thái Quốc Q chỉ 16 tuổi 01 tháng). Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án đối với các bị cáo theo bản án sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc. Các bị cáo có đủ điều kiện để hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt dưới khung là phù hợp nhưng các bị cáo có nhân thân không tốt, phạm tội với tình tiết định khung là côn đồ nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo kháng cáo của các bị cáo cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D và bị cáo Q tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo hướng giảm hình phạt cho các bị cáo với mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đã đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật sau này, cụ thể: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng D mức án 03 năm tù; xử phạt bị cáo Châu Chí T 03 năm tù; xử phạt bị cáo Thái Quốc Q 02 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tấn S 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo chấp hành án.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Thái Quốc Q tại phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[6] Các nội dung khác của Quyết định Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm (Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S; Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (sửa phần trách nhiệm hình sự).

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Châu Chí T, Thái Quốc Q, Nguyễn Văn Tấn S phạm “*Tội cố ý gây thương tích*”.

1.1 Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng D 03 (ba) năm tù về.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù

1.2 Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Châu Chí T 6 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.3 Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Thái Quốc Q** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.4 Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Tấn S** 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân h. Thạnh Phú (3b);
- Công an h. Thạnh Phú (1b);
- VKSND h. Thạnh Phú (1b);
- Chi cục THADS h. Thạnh Phú (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã Tân Phong, Quới Điền, Thới Thạnh, Đại Điền, Cẩm Sơn (5b);
- Những người tham gia tố tụng (12b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa GD và NCTN, Vp.TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt